Thứ Ba, Ngày 9 Tháng 12 Năm 2025

# Chứng khoán Việt Nam

## Thông tin thị trường chuyên sâu

Shinhan Securities

**Báo cáo ngày**

## Xu hướng thị trường:

### *Chỉ số quay đầu điều chỉnh*

▶ VN-Index quay đầu giảm trong phiên giao dịch ngày Thứ Ba khi tiến về kháng cự cũ quanh 1,770. Sắc đỏ bao phủ hầu hết các nhóm ngành, đà giảm mạnh nhất vào khung đầu giờ chiều và thu hẹp lại khi tiến về cuối phiên, giúp thị trường đóng phiên với mức giảm chỉ hơn 6 điểm. Trái ngược với diễn biến chung, cổ phiếu VIC lại lội ngược dòng với mức tăng gần 5%, đưa mức vốn hóa Vingroup lên một tầm cao mới. VPL tiếp tục chịu áp lực bán ròng từ khối ngoại, khiến giá trị bán ròng của khối này tăng vọt lên gần 2,500 tỷ. Mặt khác, giá trị giao dịch toàn thị trường vẫn duy trì ở nền thấp, tuy có cải thiện so với những phiên gần đây trước áp lực bán gia tăng.

▶ Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index ghi nhận mức giảm 6.57 điểm (-0.37%), đóng phiên ở 1,747.17 điểm; HNX-Index giảm 1.54 điểm (-0.6%), đạt 257.14 điểm. Thanh khoản toàn thị trường tăng nhẹ lên mức 31.5 nghìn tỷ đồng, tương ứng với hơn 1 tỷ cổ phiếu được giao dịch. Khối ngoại gia tăng bán ròng với giá trị ròng 2,455 tỷ đồng, trong đó các cổ phiếu bị bán ròng mạnh nhất là VPL, VIC và MSN. Ở chiều ngược lại, chiều mua ròng tiêu biểu có FPT, HPG và POW…

▶ VIC (+4.78%), FPT (+1.47%), VCB (+0.17%) là ba mã cổ phiếu đóng góp nhiều nhất để nâng đỡ chỉ số. Ở chiều ngược lại, VHM (-2.27%), VPB (-3.20%), LPB (-4.97%) là ba mã lấy đi nhiều điểm nhất của thị trường.

▶ Vận tải, Thương mại hàng thiết yếu, Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp là các nhóm ngành đóng góp nhiều nhất vào mức tăng của chỉ số trong phiên hôm nay. Các đại diện tiêu biểu là VJC, AIG và TLG.

▶ **Góc nhìn kỹ thuật:** VN-Index rung lắc mạnh khi chỉ số tiến gần đến ngưỡng kháng cự 1,770 điểm, trong phiên đã có lúc thị trường giảm hơn 20 điểm, kết phiên thị trường xuất hiện nến rút chân, giảm nhẹ ở mức hơn 6 điểm, đạt 1,747 điểm. Thanh khoản tăng nhẹ hơn so với trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu xuất hiện khi thị trường có sự điều chỉnh. Về xu hướng, VN-Index vẫn duy trì trạng thái tích cực khi chỉ số đứng vững trên đường MA10 và MA20, mức hỗ trợ quan trọng cho nhịp tăng hiện tại. Trong các phiên tiếp theo, thị trường sẽ tiếp tục chinh phục mốc 1,750 điểm và cần có sự lan tỏa và đồng thuận, đồng thời thanh khoản cải thiện.

**Ở trường hợp cơ sở:** Thị trường đã phục hồi tích cực và vượt lên trên 1,700 (tạm thời thoát khỏi sideway 1,600-1,700 điểm) với thanh khoản cải thiện, độ rộng thị trường tốt lên cùng sự quay lại của khối ngoại. Chúng tôi cho rằng thị trường sẽ gặp lực cản nhất định khi quay lại đỉnh cũ và giằng co quanh 1,800 trước khi dòng tiền cải thiện sau khi Đại hội Đảng đầu 2026 kết thúc. Với mục tiêu tăng trưởng kinh tế 2 chữ số cho 2026 và tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường hơn 18%, chúng tôi kỳ vọng VN-Index có thể tiến tới vùng 1,900-2000 cho năm 2026.

**Ở trường hợp tiêu cực:** Đà giảm tiếp tục gia tăng với khối lượng giao dịch lớn dần theo chiều giảm, không xuất hiện lực bắt đáy quanh ngưỡng 1,550 - 1,580 điểm. Thị trường khi đó có thể tiếp tục hướng tới vùng hỗ trợ 1,500 và các vùng giá thấp hơn để kiểm định.

**Chiến lược:** Nhà đầu tư cần chọn lựa cổ phiếu phù hợp trong bối cảnh điểm số VNINDEX bị chi phối mạnh từ diễn biến nhóm VIC. Nhà đầu tư theo trường phái đầu tư trung và dài hạn có thể bắt đầu giải ngân từng phần tại các nhóm cổ phiếu có kết quả kinh doanh tốt và chiết khấu đủ hấp dẫn như nhóm ngành ngân hàng, tài chính, vật liệu xây dựng… Nhà đầu tư ngắn hạn hơn có thể nhìn vào dòng tiền và giá cải thiện để chọn cổ phiếu như nhóm điện, khu công nghiệp và công nghệ….




**Các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam (tỷ đồng)**

| Index | Giá | %1D | %1M | %1Yr. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| VN-Index | 1,747 | -0.4 | 9.3 | 37.2 | 17.0 | 2.1 | 7,770,002 |
| VN30 Index | 1,973 | -0.5 | 8.1 | 47.7 | 17.0 | 2.4 | 5,531,419 |
| VN Midcap | 2,259 | -0.8 | 0.9 | 18.3 | 15.6 | 1.6 | 1,218,145 |
| VN Smallcap | 1,521 | 0.0 | 1.1 | 5.3 | 13.4 | 1.0 | 287,653 |
| HNX Index | 257 | -0.6 | -1.1 | 12.2 | 22.2 | 1.4 | 411,892 |
| UpCom | 120 | -0.2 | 2.5 | 28.8 | 13.4 | 1.8 | 913,016 |

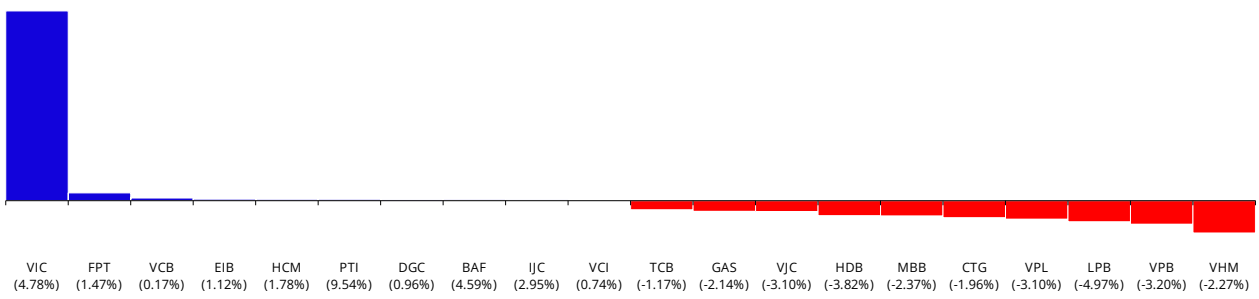
**Nhóm ngành (tỷ đồng)**

| Nhóm ngành | %1D | %1M | %YTD | %1 YR. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Bán lẻ | -1.2 | 19.8 | 29.6 | 1.3 | 34.8 | 4.4 | 168,540 |
| Bảo hiểm | -1.1 | 0.6 | 5.5 | 3.8 | 16.3 | 1.7 | 53,956 |
| Bất động sản | 2.0 | 97.7 | 211.9 | 207.4 | 43.4 | 3.3 | 2,133,692 |
| CNTT | 1.3 | -9.3 | -25.1 | -23.8 | 21.1 | 4.4 | 181,683 |
| Dầu khí | -3.5 | -0.3 | -5.6 | -10.0 | 20.1 | 2.2 | 58,062 |
| Dịch vụ tài chính | -0.6 | 15.0 | 28.1 | 24.5 | 23.4 | 1.8 | 247,254 |
| Tiện ích | -1.5 | -0.2 | -0.9 | -1.5 | 19.1 | 1.9 | 286,770 |
| Du lịch và Giải trí | -1.9 | 43.7 | 57.5 | 59.9 | 20.7 | 15.5 | 204,817 |
| Hàng & DV CN | -0.8 | 1.1 | 17.2 | 17.6 | 15.4 | 1.8 | 170,778 |
| Hàng CN & Gia dụng | -1.5 | 3.9 | -9.8 | -10.3 | 13.1 | 1.7 | 55,773 |
| Hóa chất | -0.3 | -6.5 | -9.7 | -12.0 | 19.3 | 1.8 | 208,967 |
| Ngân hàng | -1.4 | 11.7 | 21.4 | 22.4 | 10.6 | 1.8 | 2,575,844 |
| Ô tô và phụ tùng | 0.2 | -2.6 | 17.9 | 19.5 | 21.7 | 1.4 | 17,209 |
| Tài nguyên Cơ bản | -1.1 | 10.8 | 12.9 | 10.9 | 18.2 | 1.5 | 250,330 |
| Th.phẩm & Đồ uống | -0.6 | 7.8 | 7.6 | 6.7 | 21.5 | 2.7 | 467,267 |
| Truyền thông | 2.2 | 1.2 | -0.5 | 23.9 | 19.0 | 1.5 | 2,927 |
| Xây dựng và Vật liệu | -0.4 | 11.9 | 22.5 | 27.1 | 20.1 | 1.7 | 156,265 |
| Y tế | -0.6 | 1.3 | -2.3 | -1.3 | 18.4 | 2.2 | 39,583 |

**Tiền tệ và hàng hóa**

| | Tỷ giá | %1D | %1W | %1M | %3M | %YTD | %1Yr. |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Dollar index | 99 | -0.1 | -0.4 | -0.6 | 1.2 | -8.7 | -6.7 |
| USD/JPY | 156 | 0.1 | 0.1 | 1.2 | 5.9 | -0.7 | 3.2 |
| USD/CNY | 7 | -0.1 | -0.1 | -0.8 | -0.8 | -3.2 | -2.7 |
| KRW/USD | 1,468 | -0.1 | -0.1 | 0.8 | 5.7 | -0.3 | 2.6 |
| EUR/USD | 1 | -0.1 | -0.2 | -0.8 | 0.5 | -11.1 | -9.4 |
| USD/VND | 26,365 | 0.0 | 0.0 | 0.2 | -0.1 | 3.5 | 3.9 |
| Dầu Thô | 59 | -0.3 | 0.1 | -1.8 | -6.3 | -18.2 | -14.2 |
| Xăng | 237 | 31.8 | 29.5 | 22.2 | 19.0 | 18.4 | 21.4 |
| Khí đốt | 5 | -1.5 | -0.1 | 12.1 | 55.1 | 33.1 | 52.0 |
| Than | 110 | 0.0 | 1.5 | 0.0 | 6.4 | -11.8 | -17.4 |
| Vàng | 4,204 | 0.3 | 0.0 | 2.1 | 15.9 | 60.2 | 58.0 |
| Thép cuộn | 3,280 | -0.5 | -1.1 | -0.3 | -4.2 | -5.5 | -7.2 |

**Đóng góp vào VN Index**




**[Analyst ]**
**Nhi Nguyen**
☎ (84-28) 6299 - 8000
✉ nhi.ntt@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV
để cập nhật báo cáo mới nhất

Quét mã QR hoặc
click để theo dõi

# Điểm tin thị trường

## Tin tức nổi bật

**1. HPG – Nguyên vật liệu:** Hòa Phát hiện là nhà sản xuất thép lớn nhất Việt Nam với tổng công suất đạt 16 triệu tấn/năm sau khi vận hành toàn bộ Khu liên hợp gang thép Dung Quất 2. Vinmetal vừa được Vingroup thành lập với vốn điều lệ 15,000 tỷ đồng.

**2. PNJ – Bán lẻ:** PNJ chuyển đổi thành nhà bán lẻ Lifestyle chuyên nghiệp với chiến lược cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng. 9 tháng đầu năm, PNJ lãi sau thuế hơn 1,610 tỉ đồng, tăng gần 17% so với cùng kỳ.

**3. OCB – Ngân hàng**: OCB đã chi 1.000 tỷ đồng để tất toán trước hạn 2 năm lô trái phiếu mã OCBL2427021 vào ngày 28/11/2025, so với kỳ hạn phát hành 3 năm từ ngày 28/11/2024.

**4. VCG – Xây dựng:** Vinaconex phê duyệt mua 56,949,500 cổ phần, tương đương 98.16% vốn Viwaseen với giá tối thiểu 1,231.2 tỷ đồng, nhằm thâu tóm 7 lô đất có vị trí đắc địa tại Hà Nội và Hải Phòng.

**5. DGC – Hóa chất:** Hoá chất Đức Giang sẽ tạm ứng cổ tức tiền mặt năm 2025 với tỷ lệ 30% tương đương 3.000 đồng/cổ phiếu, ngày chốt danh sách là 25/12 và dự kiến chi trả vào 15/1/2026 với tổng số tiền khoảng 1,140 tỷ đồng.

**6. VIC – Bất động sản**: Cổ phiếu VIC tăng 5,3% lên 160,800 đồng/cổ phiếu sáng 9-12 sau thông tin khởi công tuyến Metro Bến Thành – Cần Giờ và chốt quyền phát hành thêm cổ phiếu tỷ lệ 1:1 để tăng vốn.

**7. BID – Ngân hàng:** Sau 11 tháng, BIDV báo lãi trước thuế hơn 29,000 tỷ đồng và dư nợ tín dụng gần 2.3 triệu tỷ đồng; Agribank ghi nhận dư nợ cho vay vượt 1.95 triệu tỷ đồng và huy động vốn đạt 2.33 triệu tỷ đồng.

**8. VBB – Ngân hàng:** Chủ tịch HĐQT Vietbank Dương Nhất Nguyên đăng ký bán 5.06 triệu quyền mua cổ phiếu, còn con trai ông Dương Nhất Khôi đăng ký mua 96 triệu quyền mua trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu.

**9. VSC – Vận tải biển:** Viconship đăng ký mua 1 triệu cổ phiếu HAH để nâng tỷ lệ sở hữu tại Xếp dỡ Hải An lên 12.947% thông qua giao dịch từ 11/12/2025 đến 9/1/2026.

## Cổ phiếu nổi bật trong ngày

**CTCP Chứng khoán Vietcap - VCI**

**VCI – Dịch vụ tài chính:** Vietcap chốt thời gian chào bán 127.5 triệu cổ phiếu riêng lẻ cho 69 nhà đầu tư từ 9-15/12/2025 với giá 31,000 đồng/cổ phiếu, dự kiến thu về 3,952.5 tỷ đồng và tăng vốn điều lệ lên 8,501 tỷ đồng.



# Xu hướng dòng tiền

## Luân chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành (tỷ đồng)

| STT | Nhóm ngành | % Thay đổi thanh khoản trung bình 1 tuần | 12/8/2025 | 12/9/2025 | TB 1 tuần | Xu hướng 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Truyền thông | 134.2 | 14 | 63 | 27 | |
| 2 | Công nghệ Thông tin | 44.2 | 547 | 1,003 | 696 | |
| 3 | Bất động sản | 43.7 | 2,992 | 5,218 | 3,630 | |
| 4 | Tài nguyên Cơ bản | 40.0 | 857 | 1,336 | 955 | |
| 5 | Ô tô và phụ tùng | 35.5 | 32 | 55 | 41 | |
| 6 | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 31.5 | 234 | 309 | 235 | |
| 7 | Dầu khí | 20.3 | 593 | 559 | 465 | |
| 8 | Hàng cá nhân & Gia dụng | 19.7 | 152 | 195 | 163 | |
| 9 | Hóa chất | 18.4 | 455 | 591 | 499 | |
| 10 | Dịch vụ tài chính | 18.0 | 2,454 | 3,539 | 2,999 | |
| 11 | Thực phẩm và đồ uống | 17.9 | 1,319 | 2,034 | 1,725 | |
| 12 | Xây dựng và Vật liệu | 13.5 | 1,119 | 1,233 | 1,086 | |
| 13 | Ngân hàng | 13.1 | 3,841 | 6,720 | 5,942 | |
| 14 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 13.0 | 1,320 | 1,468 | 1,299 | |
| 15 | Bảo hiểm | 8.5 | 127 | 69 | 64 | |
| 16 | Du lịch và Giải trí | -3.0 | 390 | 440 | 454 | |
| 17 | Bán lẻ | -16.5 | 668 | 877 | 1,050 | |

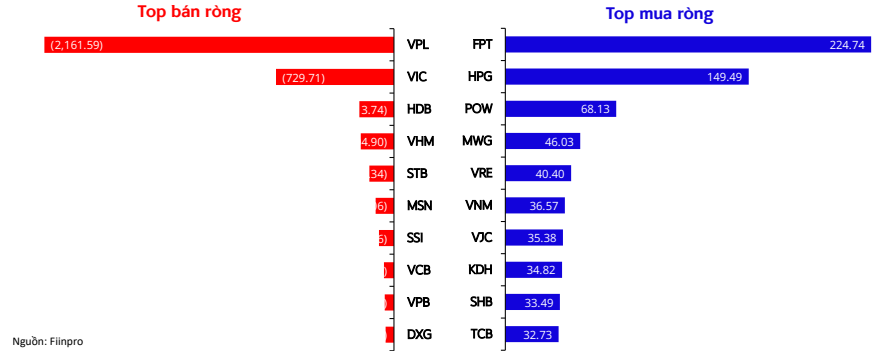
## Top 15 cổ phiếu có giá trị giao dịch đột biến 1 tuần

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % Thay đổi | | | | Thống kê giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi GTGD | GTGD (tỷ đồng) | Xu hướng |
| VIX | Chứng khoán VIX | Dịch vụ tài chính | 23,500 | -0.2 | -3.9 | 150.5 | 47 | 1,362.3 | |
| VHM | Vinhomes | Bất động sản | 107,500 | -2.3 | 0.7 | 168.8 | 59 | 813.8 | |
| MBB | MBBank | Ngân hàng | 24,700 | -2.4 | 4.9 | 50.8 | 40 | 847.7 | |
| SHB | SHB | Ngân hàng | 16,500 | -0.6 | -2.9 | 109.6 | 12 | 1,444.1 | |
| VCI | Chứng khoán Vietcap | Dịch vụ tài chính | 34,100 | 0.7 | 0.3 | 3.5 | 48 | 440.1 | |
| GEX | Tập đoàn Gelex | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 42,900 | -0.5 | -6.7 | 144.1 | 21 | 554.1 | |
| CTG | VietinBank | Ngân hàng | 50,100 | -2.0 | 2.1 | 33.6 | 24 | 479.1 | |
| MSN | Tập đoàn Masan | Thực phẩm và đồ uống | 77,000 | -1.2 | -2.0 | 10.0 | 15 | 527.2 | |
| VCB | Vietcombank | Ngân hàng | 58,000 | 0.2 | 0.7 | -4.2 | 8 | 261.5 | |
| MWG | Thế giới di động | Bán lẻ | 84,000 | -1.1 | 5.0 | 39.7 | (9) | 556.8 | |
| TCB | Techcombank | Ngân hàng | 33,800 | -1.2 | -1.2 | 40.8 | (31) | 364.5 | |
| VND | Chứng khoán VNDIRECT | Dịch vụ tài chính | 18,600 | -0.5 | -0.5 | 52.3 | (46) | 274.8 | |
| DIG | DIC Corp | Bất động sản | 19,800 | -1.0 | -1.0 | 21.2 | (46) | 280.3 | |
| SSI | Chứng khoán SSI | Dịch vụ tài chính | 28,750 | -2.2 | -2.3 | 24.3 | (25) | 889.5 | |
| HPG | Hòa Phát | Tài nguyên Cơ bản | 26,400 | -1.3 | -0.4 | 18.9 | (25) | 1,060.6 | |

## Top 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến 1 tuần

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % thay đổi | | | | Thống kê giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi KLGD | Khối lượng giao dịch | Xu hướng |
| GEE | Thiết bị điện GELEX | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 219,000.0 | -1.6 | -1.8 | 666.2 | 3.4 | 125.70 | |
| DPG | Tập đoàn Đạt Phương | Xây dựng và Vật liệu | 43,500.0 | 1.9 | 1.6 | 51.3 | 5.0 | 47.65 | |
| HHP | Giấy Hoàng Hà Hải Phòng | Tài nguyên Cơ bản | 12,450.0 | -2.7 | 7.3 | 50.9 | 10.2 | 10.70 | |
| BFC | Phân bón Bình Điền | Hóa chất | 42,850.0 | -0.6 | -2.4 | 6.5 | 2.2 | 42.25 | |
| DGW | Thế Giới Số | Bán lẻ | 41,500.0 | -2.4 | -3.7 | 3.2 | 1.1 | 41.25 | |
| HVH | Đầu tư và Công nghệ HVC | Xây dựng và Vật liệu | 13,200.0 | -0.4 | -1.5 | 45.2 | 2.5 | 13.55 | |
| CIG | Xây dựng COMA 18 | Xây dựng và Vật liệu | 9,150.0 | 0.5 | -1.2 | 12.3 | 1.8 | 9.30 | |
| CKG | Xây dựng Kiên Giang | Bất động sản | 11,200.0 | -0.4 | 0.0 | -35.6 | -4.8 | 12.40 | |
| RYG | Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia | Xây dựng và Vật liệu | 10,000.0 | 0.0 | -4.8 | -32.7 | -6.9 | 11.00 | |
| TDP | Công ty Thuận Đức | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 28,000.0 | -3.1 | -13.0 | -14.6 | -3.5 | 33.20 | |

## Top mua bán ròng của khối ngoại trong ngày (tỷ đồng)




Nguồn: Fiinpro

## Giao dịch của khối ngoại (tỷ đồng)

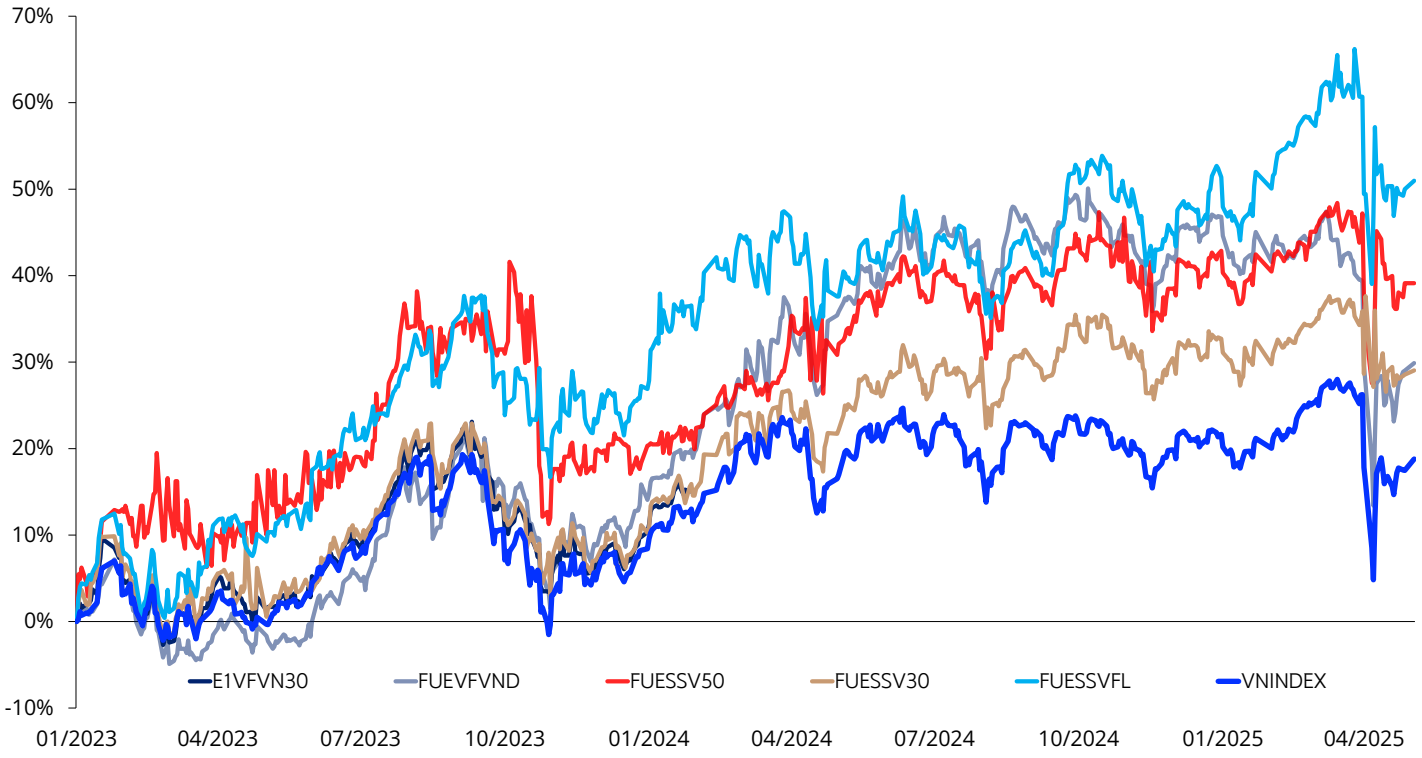
| Ngày | Mua | Bán | Mua-Bán ròng |
|---|---|---|---|
| 12/9/2025 | 2,580.7 | 5,035.9 | -2,455.2 |
| 12/8/2025 | 1,962.8 | 3,844.5 | -1,881.7 |
| 12/5/2025 | 1,639.2 | 2,246.5 | -607.3 |
| 12/4/2025 | 3,604.5 | 2,562.2 | 1,042.4 |
| 12/3/2025 | 6,428.4 | 2,782.3 | 3,646.1 |
| 12/2/2025 | 3,308.9 | 2,672.4 | 636.5 |
| 12/1/2025 | 2,599.4 | 2,897.9 | -298.5 |
| 11/28/2025 | 2,431.8 | 2,096.0 | 335.8 |
| 11/27/2025 | 2,575.3 | 2,593.5 | -18.2 |
| 11/26/2025 | 3,403.9 | 2,776.4 | 627.5 |
| 11/25/2025 | 2,353.6 | 2,716.4 | -362.7 |
| 11/24/2025 | 1,735.2 | 2,888.5 | -1,153.3 |
| 11/21/2025 | 2,474.1 | 3,059.1 | -585.0 |
| 11/20/2025 | 2,334.0 | 2,040.1 | 293.9 |
| 11/19/2025 | 1,879.5 | 2,530.7 | -651.1 |
| 11/18/2025 | 2,749.7 | 2,796.6 | -46.9 |

# Chứng chỉ quỹ ETF

**Thống kê giao dịch chứng chỉ quỹ ETF nội địa**

| Stt | Tên quỹ | Mã chứng chỉ quỹ | Giá (VND) | %1D | %1M | YTD | KLGD | GTGD (tỷ đồng) | Thanh khoản 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | DCVFMVN30 ETF Fund | E1VFVN30 | 35,110 | 0.2% | 8.4% | 49.5% | 242,800 | 8.5 | |
| 2 | SSIAM VNX50 ETF | FUESSV50 | 28,440 | 0.0% | 0.7% | 41.5% | 3,800 | 0.1 | |
| 3 | SSIAM VNFIN LEAD ETF | FUESSVFL | 29,630 | -1.9% | 1.1% | 34.1% | 142,000 | 4.2 | |
| 4 | DCVFMVN Diamond ETF | FUEVFVND | 37,840 | -0.6% | 0.1% | 12.9% | 166,200 | 6.2 | |
| 5 | VinaCapital VN100 ETF | FUEVN100 | 26,100 | 1.0% | 3.6% | 45.6% | 37,100 | 1.0 | |
| 6 | SSIAM VN30 ETF | FUESSV30 | 24,580 | -1.1% | 7.5% | 47.2% | 8,800 | 0.2 | |
| 7 | MAFN VN30 ETF | FUEMAV30 | 24,020 | -0.2% | 8.6% | 47.5% | 7,500 | 0.2 | |
| 8 | IPAAM VN100 ETF | FUEIP100 | 12,940 | -0.4% | -0.2% | 52.2% | 400 | 0.0 | |
| 9 | KIM Growth VN30 ETF | FUEKIV30 | 13,390 | -0.4% | 8.2% | 49.3% | 13,600 | 0.2 | |
| 10 | DCVFMVN Mid Cap ETF | FUEDCMID | 15,000 | 0.0% | 2.2% | 25.0% | 3,300 | 0.0 | |
| 11 | KIM Growth VNFINSELECT ETF | FUEKIVFS | 17,430 | 0.0% | 1.3% | 33.1% | 100 | 0.0 | |
| 12 | MAFM VNDIAMOND ETF | FUEMAVND | 15,820 | -1.0% | -0.4% | 11.7% | 1,800 | 0.0 | |
| 13 | FPT CAPITAL VNX50 ETF | FUEFCV50 | 15,390 | -0.3% | -0.7% | 30.2% | 3,400 | 0.1 | |
| 14 | KIM GROWTH VN DIAMOND ETF | FUEKIVND | 14,000 | n.a | -1.6% | 11.4% | 100 | 0.0 | |
| 15 | Bao Viet Fund VN Diamond | FUEBFVND | n.a | n.a | 0.0% | n.a | 0 | n.a | |
| 16 | An Binh Fund VN Diamond | FUEABVND | 11,500 | 0.0% | -1.7% | 19.8% | 0 | n.a | |

**Tỷ suất lợi nhuận của các ETF và VNINDEX**




**Thống kê chứng chỉ quỹ ETF nội địa**

| Stt | Tên quỹ | Công ty quản lý | Ngày thành lập | Mô phỏng chỉ số | Tài sản (triệu USD) | Dòng vốn ròng 1M (triệu USD) | Dòng vốn ròng 3M (triệu USD) | Tỷ suất lợi nhuận 1Y (%) | Độ lệch chuẩn 1Y (%) | Beta | Lợi suất cổ tức (%) | PB (x) | PE (x) | Tỷ trọng top 10 cổ phiếu (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | DCVFMVN30 ETF Fund | DCVFM | 8/14/2014 | VN30TR | 246.6 | 302,640 | (8,481) | 50.4 | 18.0 | 1.0 | 1.74 | 2.3 | 14.4 | 60.1 |
| 2 | SSIAM VNX50 ETF | SSIAM | 12/15/2014 | VNX50IX | 5.5 | - | - | 42.4 | 23.0 | 0.8 | 1.81 | 1.6 | 12.2 | 52.3 |
| 3 | SSIAM VNFIN LEAD ETF | SSIAM | 2/24/2020 | VNFL | 19.4 | 8,883 | 19,029 | 37.5 | 24.3 | 1.0 | 2.04 | 1.5 | 9.3 | 83.4 |
| 4 | DCVFMVN Diamond ETF | DCVFM | 5/12/2020 | VND | 504.4 | 48,763 | 198,732 | 13.7 | 21.4 | 1.0 | 1.94 | 2.1 | 13.0 | 78.5 |
| 5 | VinaCapital VN100 ETF | Vinacapital | 6/16/2020 | VN100 | 0.013 | - | - | 46.3 | 19.9 | 0.9 | 1.63 | 2.0 | 13.9 | 51.2 |
| 6 | SSIAM VN30 ETF | SSIAM | 7/27/2020 | VN30 | 8.4 | 2,331 | 11,795 | 48.3 | 21.6 | 0.8 | 1.67 | 2.4 | 15.1 | 67.1 |
| 7 | MAFN VN30 ETF | MAFM | 12/8/2020 | VN30 | 34.2 | (2,156) | (184,680) | 48.3 | 20.5 | 1.0 | 1.62 | 2.2 | 14.3 | 72.7 |
| 8 | IPAAM VN100 ETF | I.P.A | 7/28/2021 | VN100 | 1.9 | - | - | 47.2 | 55.9 | 1.0 | 1.65 | 2.0 | 13.4 | 51.9 |
| 9 | KIM Growth VN30 ETF | KIM | 1/6/2022 | VN30TR | 96.9 | (27,433) | (55,410) | 48.9 | 23.1 | 0.9 | 1.78 | 1.8 | 11.3 | 58.9 |
| 10 | DCVFMVN Mid Cap ETF | DCVFM | 9/29/2022 | VNMidcap | 13.3 | - | (34,164) | 26.8 | 25.1 | 0.8 | 1.41 | 1.7 | 14.9 | 39.5 |
| 11 | KIM Growth VNFINSELECT ETF | KIM | 11/3/2022 | VNFS | 10.9 | - | (50,934) | 37.0 | 25.2 | 0.9 | 1.97 | 1.4 | 8.8 | 71.1 |
| 12 | MAFM VNDIAMOND ETF | MAFM | 3/2/2023 | VND | 12.5 | (1,566) | (27,892) | 13.1 | 23.1 | 1.0 | 2.02 | 2.1 | 12.9 | 84.1 |
| 13 | FPT CAPITAL VNX50 ETF | FPTF | 5/25/2023 | VNX50 | n.a | - | - | 38.2 | 36.0 | 0.6 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 14 | KIM GROWTH VN DIAMOND ETF | KIMF | 4/24/2024 | VNX50 | 2.9 | n.a | n.a | 13.4 | 25.2 | 1.0 | 1.99 | 1.9 | 12.4 | 81.7 |
| 15 | Bao Viet Fund VN Diamond | BVF | 8/11/2023 | VN30 | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 16 | An Binh Fund VN Diamond | ABF | 8/16/2024 | VN30 | n.a | n.a | n.a | 12.7 | n.a | 0.8 | n.a | n.a | n.a | n.a |

Nguồn: Bloomberg

# Mạng lưới Shinhan Investment

## SEOUL

Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
18th Floor, The Mett Tower, 15 Tran Bach Dang Street, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000



### Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

### Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.

Shinhan Securities